

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 23/2017/HNGĐ-ST

Ngày 27-9-2017

“V/v Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Xuân Thuận
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 22/2017/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2017 về “Ly hôn, tranh chấp về con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Hồ Thị D**, sinh năm 1980 (Có mặt)

Bị đơn: Ông **Nguyễn Xuân T**; sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã L, TX P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 02 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Bà Hồ Thị D và ông Nguyễn Xuân T sau thời gian tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2000, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/7/2009 tại Ủy ban nhân dân phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng bà D, ông T chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T thường xuyên uống rượu, cờ bạc làm thất thoát tài sản gia đình, không những vậy ông T còn thường xuyên đánh đập bà D khiến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Từ đó, bà D và ông T thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng. Bà D nhận thấy cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, không còn hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà D được ly hôn với ông Nguyễn Xuân T.

Về con chung: Bà Hồ Thị D và ông Nguyễn Xuân T có 02 người con chung là Nguyễn Thị Thu D, sinh ngày 30/9/2000 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 11/5/2009. Bà Hồ Thị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung cho đến khi các con chung thành niên đủ 18 tuổi. Bà D không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai đề ngày 15/3/2017, ông Nguyễn Xuân T trình bày:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Xuân T đồng ý với lời trình bày của bà Hồ Thị D về thời gian kết hôn, thời gian chung sống với nhau, đồng thời ông T cũng thừa nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân là do ông T thường đi làm xa nên vợ chồng thiếu tình cảm và hạnh phúc. Nay bà D xin ly hôn, ông T không đồng ý ly hôn vì vẫn muốn gia đình đoàn tụ.

Về con chung: Ông Nguyễn Xuân T và bà Hồ Thị D có 02 người con chung là Nguyễn Thị Thu D, sinh ngày 30/9/2000 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 11/5/2009.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị D: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Hồ Thị D, chấp nhận giao 02 người con chung là Nguyễn Thị Thu D, sinh ngày 30/9/2000 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 11/5/2009 cho bà Hồ Thị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung thành niên đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hồ Thị D có mặt, bị đơn ông Nguyễn Xuân T vắng mặt lần thứ 2. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thay đổi hay bổ sung gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn ông Nguyễn Xuân T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T là phù hợp quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung:

[2] Xét về quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn bà Hồ Thị D và bị đơn ông Nguyễn Xuân T. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận họ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước vào năm 2009, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bị đơn ông T không đồng ý ly hôn với bà D mặc dù có thừa nhận việc vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, tuy nhiên ông T không thể hiện thiện chí muốn vợ chồng đoàn tụ khi có tình vắng mặt trong các lần Tòa án mở phiên hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ cho bà D, ông T. Quan hệ hôn nhân là sự tự nguyện giữa các bên, mâu thuẫn giữa bà D và ông T là trầm trọng khi không thể tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống khiến bà D xin Tòa giải quyết ly hôn. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà D và ông T có 02 người con chung là Nguyễn Thị Thu D, sinh ngày 30/9/2000 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 11/5/2009. Căn cứ vào Biên bản lấy lời khai hai con chung đều thể hiện nguyện vọng được bà D trực tiếp nuôi dưỡng sau khi bà D, ông T ly hôn; đây cũng là nguyện vọng của nguyên đơn bà D. Mặt khác, công việc của ông T thường xuyên đi làm xa nhà, không thể chăm sóc cho các con chung được chu đáo nên cần xem xét giao 02 con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển mọi mặt của cháu D và cháu B.

Ông T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T được quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà D và ông T thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Hồ Thị D phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Hồ Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Xuân T.

2. Về con chung: Giao 02 người con chung là Nguyễn Thị Thu D, sinh ngày 30/9/2000 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 11/5/2009 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung thành niên đủ 18 tuổi. Ông T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Hồ Thị D chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai số 0005595 ngày 01/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long.

3. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án 27/9/2017. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

“Trường hợp Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- THA DS TX P.Long
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đoàn Ngọc Thảo